Sau khi tiếp nhận và kiểm tra biên bản bầu cử do các Ban bầu cử gửi đến, Hội đồng bầu cử phải làm biên bản tổng kết cuộc bầu cử và tuyên bố kết quả cuộc bầu cử theo Luật định để toàn thể cử tri được biết bằng mọi phương tiện thông tin thường dùng trong địa phương.

Chương VII

VIỆC BẦU CỬ BỔ SUNG ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 20.- Việc tổ chức bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp phải được thực hiện đúng các quy định của Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân.

Tùy theo tình hình và đặc điểm cụ thể của mỗi địa phương, mỗi cấp mà quyết định việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng Nhân dân ở những đơn vị bầu cử khuyết đại biểu, không nhất thiết đơn vị bầu cử nào khuyết cũng phải bầu bổ sung, nhằm giảm bớt sự chi phí sức người, sức của của nhân dân và Nhà nước.

Chương VIII

VIỆC XỬ LÝ NHỮNG HÀNH VI VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẦU CỬ

Điều 21.- Trong mỗi cuộc bầu cử có thể xảy ra những hành vi vi phạm pháp luật. Do đó để đảm bảo cho cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp đạt kết quả và an toàn mọi mặt; đồng thời giữ nguyên kỷ cương pháp luật; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Các cấp chính quyền và các cơ quan thi hành pháp luật phải thi hành đúng chức trách của mình trong việc xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm pháp luật về bầu cử của các công dân, các thành viên trong các tổ chức phụ trách bầu cử, các công chức, viên chức Nhà nước theo đúng quy định của Điều 67 và Điều 68 của Luật Bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22.- Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị định này và có trách nhiệm giúp Chính phủ phối hợp với các cơ quan có liên quan ở Trung ương tổ chức cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1994 - 1999 và các cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân khác đảm bảo dân chủ, đúng luật, an toàn, tiết kiệm.

Điều 23.- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, các Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Điều 24.- Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và áp dụng đối với các cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng Nhân dân các cấp. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

T.M. Chính phủ
Thủ tướng
VÕ VĂN KIỆT

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 82-CP ngày 2-8-1994 ban hành Quy chế Đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để chấn chỉnh quản lý Nhà nước đối với Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại,

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1.- Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế Đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2.- Nghị định này thay thế Nghị định số 382-HĐBT ngày 5-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Những quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3.- Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

QUY CHẾ Đặt và hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam

(ban hành kèm theo Nghị định số 82-CP ngày 2-8-1994).

Chương I

CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.- Các tổ chức kinh tế nước ngoài có đủ điều kiện quy định tại Quy chế này, được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam để thiết lập các mối quan hệ kinh tế, thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam.

Điều 2.- Điều kiện để tổ chức kinh tế nước ngoài được xét cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện:

1. Tổ chức kinh tế nước ngoài được thành lập phù hợp với pháp luật nước mình;

2. Đã hoạt động không dưới 5 năm;

3. Có dự án đầu tư, thương mại được phía Việt Nam quan tâm và có khả năng thực hiện nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế, thương mại của Việt Nam.

Đối với các tập đoàn kinh tế nước ngoài xin đặt Văn phòng đại diện để thực hiện các dự án đầu tư có số vốn từ 10 triệu USD trở lên hoặc thúc đẩy việc thực hiện các hợp đồng nhập khẩu hàng hóa sản xuất, chế biến tại Việt Nam sẽ được giảm nhẹ điều kiện quy định tại điểm 2 Điều này và được ưu tiên xem xét cấp giấy phép.

Điều 3.- Phạm vi hoạt động của Văn phòng đại diện các tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam:

- Xúc tiến xây dựng các dự án, chương trình hợp tác kinh tế và khoa học kỹ thuật được phía Việt Nam quan tâm.

- Đôn đốc, giám sát việc thực hiện các hợp đồng kinh tế, thương mại và khoa học kỹ thuật đã ký kết với các doanh nghiệp của Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam.

- Không được trực tiếp kinh doanh, làm dịch vụ và thu tiền tại Việt Nam dưới bất cứ hình thức nào. Trưởng Văn phòng đại diện và nhân viên làm việc trong Văn phòng không được ký kết hợp đồng kinh tế, thương mại với các doanh nghiệp Việt Nam nếu không có giấy ủy nhiệm hợp pháp của Chủ hãng hoặc Giám đốc điều hành của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 4.- Bộ Thương mại chịu trách nhiệm xét cấp, gia hạn, bổ sung, thu hồi hoặc hủy bỏ giấy phép cho tổ chức kinh tế nước ngoài đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Chương II

THỦ TỤC CẤP, GIA HẠN, BỔ SUNG VÀ THU HỒI GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KINH TẾ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 5.- Tổ chức kinh tế nước ngoài xin cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam phải gửi đơn tới Bộ Thương mại (theo mẫu thống nhất do Bộ Thương mại quy định) gồm 1 bản

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

bằng tiếng Việt Nam, 1 bản bằng một trong các thứ tiếng nước ngoài thông dụng.

Kèm theo đơn xin phép đặt Văn phòng đại diện, tổ chức kinh tế nước ngoài cần xuất trình:

1. Điều lệ hoặc tài liệu cần thiết chứng minh việc thành lập và hoạt động hợp pháp của tổ chức kinh tế;

2. Giấy chứng nhận của Ngân hàng hoặc của cơ quan pháp lý có thẩm quyền phía nước ngoài xác định số vốn pháp định của tổ chức kinh tế.

Điều 6.- Trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thương mại phải trả lời kết quả (cấp hay không cấp giấy phép) cho tổ chức kinh tế nước ngoài đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Điều 7.- Giấy phép đặt Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam phải ghi rõ mục đích, phạm vi hoạt động của Văn phòng theo quy định tại Điều 3 của Quy chế này.

Giấy phép có giá trị trong thời hạn 3 (ba) năm kể từ ngày cấp, và có thể được gia hạn từng 3 năm một theo đề nghị của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 8.- Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày cấp giấy phép đặt Văn phòng đại diện; và trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày gia hạn giấy phép, tổ chức kinh tế nước ngoài phải hoàn thành thủ tục đăng ký hoạt động với Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở.

Sau khi cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng đại diện (theo mẫu thống nhất do Bộ Thương mại quy định), Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố phải gửi cho Bộ Thương mại 1 bản sao giấy đăng ký để theo dõi, kiểm tra thực hiện.

Điều 9.- Tổ chức kinh tế nước ngoài có yêu cầu thay đổi tên gọi, trụ sở chính, trụ sở chi nhánh Văn phòng đại diện của mình từ tỉnh này sang tỉnh khác; yêu cầu bổ sung phạm vi hoạt động hoặc gia hạn giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam, đều phải báo cáo xin phép Bộ Thương mại, và chỉ được thay đổi, tiếp tục hoạt động khi có văn bản chấp thuận.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu, Bộ Thương mại phải có văn bản trả lời tổ chức kinh tế nước ngoài biết kết quả việc xin thay đổi, gia hạn hoặc bổ sung giấy phép hoạt động của Văn phòng đại diện.

Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, tổ chức kinh tế nước ngoài muốn thay đổi người Trưởng đại diện và/hoặc nhân viên làm việc tại Văn phòng đại diện, phải báo cáo Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đóng trụ sở và chỉ được thay đổi khi có văn bản chấp thuận. Thời hạn trả lời của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố là 15 ngày kể từ ngày nhận đơn yêu cầu của tổ chức kinh tế nước ngoài.

Điều 10.- Hoạt động của Văn phòng đại diện của tổ chức kinh tế nước ngoài được chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Hết thời hạn ghi trong giấy phép;

2. Theo đề nghị của tổ chức kinh tế nước ngoài;

3. Theo quyết định của Bộ Thương mại về việc thu hồi giấy phép nếu Văn phòng đại diện vi phạm những quy định của Quy chế này.

Trong các trường hợp nói trên, Bộ Thương mại phải có văn bản thông báo cho tổ chức kinh tế nước ngoài và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đóng trụ sở biết 30 ngày trước khi Văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động.

Điều 11.- Trong thời hạn không quá 60 ngày, kể từ ngày Bộ Thương mại thông báo chấm dứt hoạt động, Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam phải trả trụ sở, nhà ở, phương tiện làm việc đã thuê và thanh toán xong các khoản nợ (nếu có) với các tổ chức và cá nhân Việt Nam có liên quan.

Chương III

QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC KINH TẾ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 12.- Khi được cấp, gia hạn hoặc bổ sung giấy phép đặt Văn phòng đại diện tại Việt Nam, tổ chức kinh tế nước ngoài phải nộp một khoản lệ phí do Bộ Tài chính Việt Nam quy định.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 13.- Văn phòng đại diện kinh tế nước ngoài tại Việt Nam chỉ được hoạt động theo mục đích, phạm vi và thời gian quy định trong giấy phép và giấy đăng ký.

Điều 14.- Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam được thuê trụ sở, nhà ở và các phương tiện phục vụ hoạt động và sinh hoạt của mình; được thuê công dân Việt Nam vào làm việc tại Văn phòng đại diện và phải tạo điều kiện thuận lợi cho các viên chức, nhân viên làm việc trong Văn phòng đại diện chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam về nộp thuế thu nhập, mua các loại bảo hiểm bắt buộc tại Việt Nam.

Điều 15.- Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam được mở một tài khoản chuyên chi (bằng ngoại tệ hoặc bằng đồng Việt Nam có gốc ngoại tệ) tại Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam để trang trải các khoản chi tiêu cần thiết cho hoạt động của Văn phòng.

Điều 16.- Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam được phép nhập khẩu vào Việt Nam các vật dụng cần thiết cho nhu cầu công tác và sinh hoạt của Văn phòng đại diện nhưng phải nộp thuế theo Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu hiện hành của Việt Nam.

Điều 17.- Văn phòng đại diện kinh tế nước ngoài tại Việt Nam phải báo cáo định kỳ bằng văn bản với Bộ Thương mại và Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở về các hoạt động của Văn phòng, khi cần thiết theo yêu cầu của các cơ quan nói trên Văn phòng đại diện có trách nhiệm báo cáo, cung cấp tài liệu hoặc giải trình những vấn đề liên quan đến hoạt động của mình.

Điều 18.- Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam không được hưởng Quy chế ưu đãi, miễn trừ dành cho các Cơ quan Đại diện ngoại giao, Cơ quan Lãnh sự nước ngoài và Cơ quan Đại diện của Tổ chức Quốc tế tại Việt Nam. Trong thời gian hoạt động tại Việt Nam, Văn phòng đại diện có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật Việt Nam và được Nhà nước Việt Nam bảo hộ các quyền lợi chính đáng theo pháp luật.

Chương IV

XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 19.- Các Tổ chức nước ngoài hoạt động tại Việt Nam như một Văn phòng đại diện (có trụ sở giao dịch, có nhân viên làm việc...) nhưng chưa có giấy phép của Bộ Thương mại cho đặt Văn phòng đại diện thì bị buộc phải chấm dứt hoạt động và bị phạt 50.000 USD; trường hợp nghiêm trọng sẽ bị truy tố theo pháp luật Việt Nam.

Điều 20.- Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam vi phạm các quy định dưới đây sẽ bị xử lý như sau:

1. Đã có giấy phép của Bộ Thương mại cho đặt hoặc gia hạn hoạt động nhưng không đăng ký theo quy định tại Điều 8 của Quy chế này thì bị cảnh cáo và bị phạt 2.000 USD, đồng thời phải hoàn thành thủ tục đăng ký theo đúng quy định; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

2. Hoạt động khi giấy phép đặt Văn phòng và giấy đăng ký đã hết hạn thì bị buộc chấm dứt hoạt động và bị phạt 20.000 USD; trường hợp nghiêm trọng sẽ bị truy tố theo pháp luật Việt Nam.

3. Thay đổi tên, trụ sở chính, trụ sở chi nhánh khi chưa được Bộ Thương mại chấp thuận thì bị cảnh cáo và bị phạt 2.000 USD, đồng thời không được dùng tên, trụ sở chính, trụ sở chi nhánh mới đó cho đến trước khi Bộ Thương mại chấp thuận; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

4. Thay đổi Trưởng đại diện và nhân viên khi chưa được chấp thuận của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đóng trụ sở thì bị cảnh cáo và bị phạt 2.000 USD, đồng thời Trưởng đại diện, nhân viên mới đó không được tiến hành các hoạt động chính thức; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

5. Thuê nhà và/hoặc tuyển dụng nhân viên trái các quy định của pháp luật Việt Nam thì bị cảnh cáo và bị phạt 5.000 USD; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

6. Mở và sử dụng tài khoản trái với quy định tại Điều 15 của Quy chế này thì bị cảnh cáo và bị

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

phạt 5.000 USD; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

7. Trưởng Văn phòng đại diện hoặc nhân viên ký kết hợp đồng không đúng thẩm quyền thì bị cảnh cáo và bị phạt 5.000 USD; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó. Những hợp đồng này không có giá trị pháp lý để thực hiện.

8. Hoạt động ngoài phạm vi ghi trong giấy phép thì bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, bị phạt 10.000 USD và phải truy nộp các loại thuế theo pháp luật Việt Nam; nếu tái phạm sẽ bị buộc chấm dứt hoạt động và bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

9. Không chấp hành hoặc cản trở việc kiểm tra của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 21 của Quy chế này thì bị cảnh cáo và bị phạt 5.000 USD; nếu tái phạm sẽ bị phạt gấp 2 lần mức tiền phạt trước đó.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. -

1. Bộ Thương mại chịu trách nhiệm thống nhất quản lý hành chính Nhà nước đối với mọi hoạt động của Văn phòng đại diện tổ chức kinh tế nước ngoài tại Việt Nam; làm đầu mối phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương có liên quan tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) các mặt hoạt động của Văn phòng đại diện theo đề nghị của các Bộ, ngành hữu quan và/hoặc của Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở; ra quyết định xử lý các vi phạm ở mức đình chỉ hoặc chấm dứt hoạt động và phạt tiền từ mức 10.000 USD trở lên theo quy định tại Điều 19, Điều 20 của Quy chế này.

2. Các Bộ, ngành có chức năng quản lý Nhà nước theo lĩnh vực hoặc chuyên ngành có trách nhiệm đề xuất và tham gia, phối hợp với Bộ Thương mại và/hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất hoạt động của Văn phòng đại diện thuộc lĩnh vực, chuyên ngành do mình phụ trách; kiến nghị với Bộ Thương mại hoặc Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố ra quyết định xử lý các vi phạm theo thẩm quyền quy định tại điểm 1, điểm 3 Điều này.

3. Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố nơi Văn phòng đại diện đóng trụ sở chịu trách nhiệm quản lý hành chính và kiểm tra, giám sát hoạt động của Văn phòng đại diện trên địa bàn lãnh thổ, có quyền ra quyết định xử lý vi phạm dưới mức quyết định xử lý của Bộ Thương mại.

Điều 22. - Quy chế này không áp dụng đối với các Văn phòng đại diện phi kinh tế của nước ngoài được thành lập tại Việt Nam theo các Điều ước Quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia; và không áp dụng đối với các chi nhánh hoặc đại lý tổ chức kinh tế nước ngoài được Thủ tướng Chính phủ cho phép thành lập và quản lý theo quy chế riêng.

Điều 23. - Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 382-HĐBT ngày 5-11-1990 của Hội đồng Bộ trưởng. Những quy định trước đây của Chính phủ, của các Bộ, ngành và Ủy ban Nhân dân địa phương trái với Quy chế này đều bãi bỏ.

Điều 24. - Bộ trưởng Bộ Thương mại, Thủ trưởng các Bộ, ngành có liên quan và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Quy chế này.

T.M. Chính phủ
K.T. Thủ tướng
Phó Thủ tướng
PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 83-CP ngày 6-8-1994 về việc chia huyện Sơn Hà thành huyện Sơn Tây và huyện Sơn Hà thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com